

Bản án số: **53/2022/HS-PT**
Ngày: 18/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Việt Minh

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Hồng Thái và bà Vũ Thị Thanh Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Việt Quốc – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 37/2022/HS-PT ngày 07 tháng 4 năm 2022 do Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXPT-HS, ngày 05 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1986, tại tỉnh B

Nơi cư trú: khu phố Giang Hải 3, thị trấn P, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị L; chồng Huỳnh Văn H, con có 02 người; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại; có mặt.

Người bị hại: Đỗ Thị Kim t, sinh năm 1979

Nơi cư trú: khu phố Minh Tân 2, thị trấn P, huyện T, tỉnh B; có mặt

Người làm chứng: Phạm Thị D, Huỳnh Văn H, Nguyễn A Lap Ral; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: vợ chồng Nguyễn Thị Bích T (gọi tắt là bị cáo T) và Huỳnh Văn H (gọi tắt là ông H) có mối quan hệ quen biết với vợ chồng Đỗ Thị Kim T (gọi tắt là bà Thu). Quá trình gặp gỡ chơi chung với nhau thì bị cáo T nghi ngờ giữa ông H và bà Thu có mối quan hệ tình cảm nên bị cáo T đã lén lút lấy điện thoại ông H, phát hiện việc ông H và bà Thu nhắn tin, gọi điện thoại nói chuyện yêu đương. Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 6 năm 2021, Phạm Thị D (gọi tắt là bà D) gọi điện thoại rủ bị cáo T đi đến quán cà phê Ciao ở khu phố Minh Tân 4, thị trấn P để uống cà phê thì bị

cáo T đồng ý và rủ bà Thu cùng đi. Khi bị cáo T, bà Thu và bà D đi đến ngôi ở quán Cáo thì bà Thu gọi điện thoại rủ thêm Nguyễn A Lap Ral (gọi tắt là bà Ral) đến cùng ngôi chung, cả 4 người ngồi xung quanh một bàn tròn, bà Thu ngồi kế bên tay trái của bị cáo T. Trong quá trình ngồi uống nước đến khoảng 09 giờ 40 phút cùng ngày thì bị cáo T có hỏi bà Thu về việc bà Thu và ông H có quan hệ yêu đương hay không nhưng bà Thu không thừa nhận. Bị cáo T tiếp tục đưa ra những tin nhắn và ghi âm cuộc gọi giữa bà Thu và ông H mà bị cáo T đã lưu giữ thì bà Thu tiếp tục chối cãi và không thừa nhận có mối quan hệ yêu đương với ông H. Lúc này, bị cáo T tức giận cầm ly thủy tinh uống nước đang để trên bàn, cầm bằng tay phải đứng chồm dậy đánh một cái hướng từ trên xuống, từ phải sang trái trúng vào vùng mặt của bà Thu làm bể ly gây thương tích cho bà Thu. Sau đó, bà Thu được đưa đến phòng khám đa khoa P, Bệnh viện đa khoa Bắc B cấp cứu rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B cấp cứu và điều trị vết thương.

Theo giấy chứng nhận thương tích số 165/6/2021/CN của Bệnh viện đa khoa tỉnh B xác định Đỗ Thị Kim T vào viện lúc 18 giờ 18 phút, ngày 01 tháng 6 năm 2021, ra viện lúc 16 giờ ngày 08 tháng 6 năm 2021, tình trạng thương tích lúc vào viện: đau vùng cằm, vết thương trán phải khoảng 3 cm, vết thương cung mày trái khoảng 3 cm, vết thương vùng mũi khoảng 8 cm, vết thương cánh mũi phải khoảng 3 cm, tháp mũi nề ấn đau chói, hai vết xây xước vùng mặt phải + vùng cằm, hai mắt bầm mí nhẹ, X quang gãy xương chính mũi, chụp CT scanner sọ não bình thường.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tật số 246/2021/TgT ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế B xác định tiến hành giám định cho Đỗ Thị Kim T lúc 08 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 7 năm 2021, kết luận:

- Vết thương phần mềm vùng trán phải đã được điều trị hiện để lại sẹo lành, kích thước 03 x 0,2 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%
- Vết thương phần mềm đầu cung mày trái đã được điều trị hiện để lại sẹo lành, kích thước 03 x 0,3 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%.
- Vết thương – chấn thương vùng mũi, gãy xương chính mũi đã được điều trị hiện cal xương ổn định, để lại sẹo lành kích thước 5,5 x 0,2 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 9%.
- Vết thương phần mềm vùng cánh mũi phải đã được điều trị hiện để lại sẹo lành, kích thước 02 x 0,2 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%
- Sây sát da vùng cằm phải đã được điều trị hiện để lại sẹo lành, kích thước 02 x 0,3 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%.
- Sây sát da vùng cằm phải đã được điều trị hiện để lại sẹo lành, kích thước 02 x 0,3 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%.
- Đa chấn thương sung nề bầm tím vùng cằm, hai mắt đã được điều trị hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.
- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 25%
- Các vết thương do vật sắc gây ra.

- Vết thương vùng trán phải, cung mày trái, vùng mũi, cánh mũi phải có chiều hướng tác động từ trước ra sau; vết thương vùng cằm phải, vùng mặt phải (góc hàm phải) có chiều hướng tác động từ trước ra sau, từ phải sang trái.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 05/01/2022)

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc Nguyễn Thị Bích T bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại cho bà Đỗ Thị Kim T với số tiền là 50.900.000 đồng (năm mươi triệu chín trăm ngàn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.045.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên các quyết định khác về xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, bị hại Đỗ Thị Kim T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tăng hình phạt và buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích T phải bồi thường số tiền 101.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến của bị cáo: đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của bị hại Đỗ Thị Kim T: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị hại, giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên. Đối với kháng cáo tăng mức bồi thường, bị hại cung cấp phiếu thu tiền phẫu thuật thẩm mỹ và yêu cầu bị cáo bồi thường bổ sung số tiền này. Do tại phiên tòa sơ thẩm bị hại chưa

yêu cầu khoản tiền chi phí thẩm mỹ nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết yêu cầu này. Cho nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm dành cho bị hại quyền khởi kiện khoản thiệt hại về chi phí thẩm mỹ bằng vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do nghi ngờ bị hại Đỗ Thị Kim T có quan hệ bất chính với chồng mình là ông Huỳnh Văn H, ngày 01 tháng 6 năm 2021 bị cáo Nguyễn Thị Bích T đã có hành vi dùng ly thủy tinh đánh một cái trúng vào vùng mặt của bị hại Đỗ Thị Kim T gây tổn thương cơ thể 25%. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 24 tháng và buộc Nguyễn Thị Bích T bồi thường cho bà Đỗ Thị Kim T với số tiền là 50.900.000 đồng

[2]. Xét kháng cáo của bị hại Đỗ Thị Kim T yêu cầu áp dụng tình tiết “có tính chất côn đồ” để tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích T.

Côn đồ được hiểu là người phạm tội thực hiện hành vi một cách vô cớ, thể hiện sự coi thường pháp luật, sẵn sàng dùng vũ lực để uy hiếp người khác phải khuất phục mình; công khai, ngang nhiên thách thức các lực lượng chức năng thực thi công vụ... Trong trường hợp này, do phía bị hại có hành vi quan hệ bất chính với chồng của bị cáo, vì bức xúc, không kiềm chế được bản thân nên bị cáo nhất thời thực hiện hành vi phạm tội. Cho nên, việc bị hại yêu cầu xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*Có tính chất côn đồ*” là không đúng.

Quá trình xét xử vụ án, do bị cáo Nguyễn Thị Bích T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự; phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi; các tính tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo. Mức hình phạt này đủ để trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật; các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và đấu tranh phòng chống tội phạm chung. Nên không có căn cứ để tăng hình phạt đối với bị cáo như yêu cầu của bị hại.

[3] Xét kháng cáo của bị hại không cho bị cáo hưởng án treo

Bị cáo là phụ nữ có thai; nhân thân tốt, nhất thời phạm tội; nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Bên cạnh đó, nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo một phần là do bị hại có quan hệ bất chính với chồng của bị cáo.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo hưởng án treo và giao bị cáo cho UBND nơi thường trú giám sát, giáo dục là phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Đỗ Thị Kim Tyêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Bích T bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại đến thời điểm xét xử với số tiền 101.600.000 đồng, riêng khoản chi phí sửa mũi và phẫu thuật thẩm mỹ tạm thời chưa yêu cầu.

Theo các tài liệu, chứng cứ do bà Thu cung cấp thì:

- Tiền viện phí, tiền thuốc, tiền tái khám, tiền giám định bà Thu khai là 3.300.000 đồng. Tuy nhiên, theo các hóa đơn, chứng từ thì số tiền này là 1.564.000 đồng

- Tiền xe từ nhà đến Bệnh viện tỉnh B và Trung tâm Giám định pháp y tỉnh B bà Thu yêu cầu 2.400.000 đồng nhưng người trực tiếp chở bà Thu là ông Nguyễn Kim Đài chỉ nhận 2.100.000 đồng. Nên chỉ có căn cứ chấp nhận 2.100.000 đồng;

- Tiền công cho người nuôi bệnh 8 ngày x 300.000 đồng/ngày: 2.400.000 đồng;

- Do bà Đỗ Thị Kim T không có thu nhập ổn định và vết thương vùng mặt gây ảnh hưởng thẩm mỹ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận thu nhập bị mất 200.000 đồng/ngày và thời gian mất thu nhập 60 ngày, thành tiền 12.000.000 đồng là đã đảm bảo quyền lợi chính đáng và hợp pháp của bà Thu;

- Đối với khoản tiền bồi thường về bù đắp tổn thất tinh thần: theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự thì tiền bồi thường về bù đắp tổn thất tinh thần không quá 50 lần mức lương cơ sở. Bà Đỗ Thị Kim T bị thương tích 25%, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức 20 tháng lương cơ sở với số tiền là 29.800.000 đồng là hợp lý.

Như vậy, tổng mức thiệt hại thực tế của bà Thu chỉ là 47.864.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 50.900.000 đồng là có lợi cho bà Thu. Do bà Thu không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho thiệt hại của mình nên việc bà Thu yêu cầu tăng mức bồi thường là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị Kim T cung cấp phiếu thu tiền phẫu thuật thẩm mỹ và yêu cầu bị cáo bồi thường bổ sung số tiền này. Do tại phiên tòa sơ thẩm bị hại chưa yêu cầu khoản tiền chi phí thẩm mỹ nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết yêu cầu này. Cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm dành cho bị hại quyền khởi kiện khoản thiệt hại về chi phí thẩm mỹ bằng vụ án dân sự khác.

[6] Phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng bị cáo T nộp để đảm bảo thi hành án và tuyên về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ chưa đúng, nên cấp phúc thẩm cần điều chỉnh và bổ sung cho chính xác và đầy đủ.

[7] Bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và mức bồi thường nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị hại nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là trái quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 3 Điều 22 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[8] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST, ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Đỗ Thị Kim T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T. Tuyên xử:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích T phạm tội “Cố ý gây thương tích”

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T **12** (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/01/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh B và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc Nguyễn Thị Bích T bồi thường cho bà Đỗ Thị Kim T 50.900.000 đồng (năm mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng bị cáo T nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số 0003011 ngày 13/9/2021 và biên lai số 0001504 ngày 13/10/2021 để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đỗ Thị Kim T, nếu Nguyễn Thị Bích T chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. *Về án phí hình sự phúc thẩm:* áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị Bích T và bị hại Đỗ Thị Kim T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Kim T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp ngày 18 tháng 02 năm 2022 theo biên lai thu tiền số 0003276 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

6. Các quyết định khác của bản án số 05/2022/HS-ST, ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T không có kháng, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái - Vũ Thị Thanh Hòa

Võ Việt Minh